

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

SỐ: 0225/HĐTV-VNL

Gói thầu: TƯ VẤN THẨM TRA THIẾT KẾ BVTC- DỰ TOÁN
Công trình: HẠ TẦNG KỸ THUẬT
Dự án: KHU ĐÔ THỊ MỚI XÃ NỘI HOÀNG, HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

GIỮA

**LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ ĐẸP VINALAND
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SUNGRAND**

VÀ

**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY
DỰNG TỈNH BẮC GIANG**

Bắc Giang, năm 2025

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/07/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 0324/QĐ-VNL ngày 11/4/2025 của Liên danh Công ty CP Phát triển nhà đẹp Vinaland và Công ty CP Đầu tư Sun Grand về việc chỉ định thầu Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại Công ty cổ phần Phát triển nhà

đẹp Vinaland, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Chủ đầu tư (Bên A):

Liên danh Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp VINALAND và Công ty cổ phần Đầu tư SUN GRAND

Đại diện Liên danh: Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp VINALAND

- Đại diện là Ông: Nguyễn Công Lâm - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 52 đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: 0915257259

- Số tài khoản: 0731000868686 mở tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang.

- Mã số thuế: 0104606980

II. Nhà thầu (Bên B):

- Tên giao dịch: **Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang**

- Đại diện: **Ông Đỗ Ngọc Thành** Chức vụ: **Giám đốc**

- Địa chỉ: Tầng 2, trụ sở liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhẫn, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Điện thoại: (0204) 3554 708

- Tài khoản: 114 000 023 365 tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Giang.

- Mã số thuế: 2400 299 571

Các Bên cùng thống nhất ký hợp đồng gói thầu: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán công trình: Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng;

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1 “Chủ đầu tư”: được hiểu là Liên danh Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp VINALAND và Công ty cổ phần Đầu tư Sun Grand (Đại diện liên danh là Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp VINALAND);

1.2 “Nhà thầu”: được hiểu là Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.

1.3 “Dự án”: được hiểu là dự án Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng.

1.4 “Gói thầu”: được hiểu là gói thầu số Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán công trình.

1.5 “Đại diện Bên A”: được hiểu là người được Bên A nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền thay mặt Bên A.

1.6 “Sản phẩm tư vấn”: được hiểu là Báo cáo thẩm tra gói thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - dự toán công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng theo Điều 5 của Hợp đồng đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

1.7 “Đại diện Bên B”: được hiểu là người được Bên B nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền thay mặt Bên B.

1.8 “Hợp đồng”, “Hợp đồng này”: được hiểu là toàn bộ hồ sơ Hợp đồng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.9 “Ngày”: được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10 “Ngày làm việc”: được hiểu là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11 “Rủi ro và bất khả kháng” được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và bất Khả kháng].

1.12 “Luật”: được hiểu là toàn bộ hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN

2.1 Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ, điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2 Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên thực hiện bao gồm:

- Quyết định chỉ định thầu rút gọn;
- Điều khoản quy định tại Hợp đồng, các phụ lục của Hợp đồng và văn bản sửa đổi, bổ sung nội dung Hợp đồng;
- Biên bản thương thảo hợp đồng;
- Các tài liệu khác có liên quan.

ĐIỀU 3. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

3.1 Các yêu cầu, thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định, ... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã nêu trong Hợp đồng. Danh sách email

của các cá nhân chịu trách nhiệm trao đổi thông tin hai bên phải được xác nhận bằng văn bản của mỗi bên.

3.2 Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

3.3 Thông tin được coi là đã nhận tại thời điểm:

- a) Vào ngày chuyển thông báo nếu chuyển trực tiếp; hoặc
- b) Sau 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày gửi nếu gửi theo đường bưu điện; hoặc
- c) Tại thời điểm gửi fax nếu chuyển fax trước 04 giờ chiều trong ngày làm việc; trong các trường hợp khác, được tính là ngày làm việc tiếp theo; hoặc
- d) Ngay khi gửi thư điện tử nếu gửi bằng thư điện tử.

ĐIỀU 4. LUẬT ÁP DỤNG VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG

4.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2 Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 5. NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ SẢN PHẨM CỦA HỢP ĐỒNG.

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện công việc tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán công trình Hạ tầng kỹ thuật thuộc dự án Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng.

Phạm vi công việc bao gồm nhưng không giới hạn: Các bộ môn hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan, kiến trúc, kết cấu, hệ thống điện, cấp thoát nước.... hoặc theo yêu cầu của Bên A.

Nội dung khối lượng công việc chủ yếu như sau:

- Thẩm tra về thiết kế:
 - + Sự phù hợp của thiết kế xây dựng so với thiết kế cơ sở và nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.
 - + Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.
 - + Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.
 - + Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình đang thẩm tra và công trình lân cận.

+ Sự hợp lý của công việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

+ Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

+ Sự đảm bảo đầy đủ về thông tin trong các hồ sơ bản vẽ thi công theo tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành.

- Thẩm tra về dự toán:

+ Kiểm tra sự phù hợp khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng vật tư, thiết bị trong dự toán so với khối lượng, chủng loại và số lượng thiết bị, vật tư tính toán từ thiết kế xây dựng, công nghệ;

+ Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức dự toán, đơn giá, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng công trình và quy định khác có liên quan trong việc xác định các khoản mục chi phí của dự toán xây dựng công trình;

+ Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình sau thẩm tra và kiến nghị giá trị dự toán xây dựng đề cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Đánh giá mức độ tăng, giảm của các khoản mục chi phí, phân tích nguyên nhân tăng, giảm so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm tra.

- Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng.

- Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Bên A có yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tiếp thu ý kiến và giải trình hoặc chỉnh sửa kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – Dự toán theo ý kiến của cơ quan chuyên môn nhà nước có thẩm quyền.

- Các quy định khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 6. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG, SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ NGHIỆM THU SẢN PHẨM

6.1. Chất lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn.

Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng do Nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Nhà nước và Pháp Luật.

6.2. Sản phẩm tư vấn Bên B phải bàn giao cho Bên A là:

- 05 bộ (bản chính) gồm các sản phẩm sau:

+ Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế thi công xây dựng Dự án được chủ đầu tư chấp thuận, cùng với 01 USB chứa toàn bộ nội dung giao nộp.

+ Bản vẽ thiết kế thi công (đóng dấu thẩm tra).

+ Thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công + phụ lục tính toán (đóng dấu thẩm tra).

+ Tổng dự toán thi công (đóng dấu thẩm tra).

- Trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc của Bên A thì Bên B phải kịp thời cung cấp bổ sung số lượng Sản phẩm tư vấn theo yêu cầu.

- 01 USB bao gồm toàn bộ nội dung công việc tư vấn thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình.

6.3. Nghiệm thu sản phẩm

a) Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng.

- Hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa hai bên;

- Báo cáo thẩm tra thiết kế thi công xây dựng được chủ đầu tư chấp thuận;

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, thuyết minh đã đóng dấu thẩm tra.

- Tổng dự toán thi công (đóng dấu thẩm tra).

b) Thành phần tham gia nghiệm thu:

- Đại diện Chủ đầu tư;

- Đại diện Nhà thầu tư vấn;

- Thành phần khác theo yêu cầu của Bên A và/hoặc theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Nghiệm thu sản phẩm:

Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình do nhà thầu cung cấp, đại diện chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn phải được nhà thầu hoàn thiện theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng.

Nghiệm thu có thể tiến hành một hay nhiều lần theo mức độ khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng. Nghiệm thu lần cuối sau khi sản phẩm tư vấn được cấp có thẩm quyền thẩm định (nếu có), và chủ đầu tư chấp thuận trên cơ sở khối lượng công việc đã hoàn thiện, sự phù hợp về quy cách, chất lượng, số lượng hồ sơ theo quy định của Hợp đồng.

Những sai sót trong sản phẩm tư vấn, nhà thầu phải có trách nhiệm điều chỉnh hoàn thiện theo đúng yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong khoảng thời gian theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không hợp tác tiến hành sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian mà Chủ đầu tư yêu cầu, Nhà thầu phải chịu phạt vi phạm tiến độ theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng này, đồng thời Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không phải thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ phần công việc có sai sót và phần công việc liên quan, đồng thời yêu cầu Nhà thầu bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư.

ĐIỀU 7. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

7.1. Thời gian thực hiện công việc: Bên B phải bàn giao sản phẩm tư vấn cho Bên A trong vòng **40** (bốn mươi) ngày, thời gian cụ thể như sau:

- Thẩm tra Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: **20** (hai mươi) ngày kể từ ngày bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B (thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết, ngày nghỉ và không bao gồm thời gian đơn vị tư vấn thiết kế chỉnh sửa hồ sơ, các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

- Thẩm tra Hồ sơ tổng dự toán thi công: **20** (hai mươi) ngày kể từ ngày bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B (thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết, ngày nghỉ và không bao gồm thời gian đơn vị tư vấn thiết kế chỉnh sửa hồ sơ, các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

7.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do và thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục Hợp đồng; trường hợp không chấp thuận gia hạn hợp đồng, thì các bên phải tiếp tục thực hiện theo các điều khoản quy định tại Hợp đồng.

7.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 8. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG, TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

8.1. Giá trị của hợp đồng:

Tổng giá trị hợp đồng (làm tròn): **605.536.000 đồng**

(*Bằng chữ: Sáu trăm linh năm triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.*)

Trong đó:

- Phần giá trị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (phần hạ tầng kỹ thuật): 310.401.027 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu, bốn trăm linh một nghìn, hai mươi bảy đồng).

- Phần giá trị thẩm tra dự toán xây dựng công trình (phần hạ tầng kỹ thuật): 295.135.403 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm linh ba đồng).

Giá trị hợp đồng nêu trên chỉ là tạm tính, giá trị thanh, quyết toán của hợp đồng sẽ căn cứ vào Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và các chính sách của Nhà nước tại thời điểm thanh lý hợp đồng.

Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), phí, lệ phí, chi phí liên quan của Bên B để Bên B hoàn thành các công việc quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Trong trường hợp quy định pháp luật Việt Nam thay đổi về mức thuế giá trị gia tăng (VAT) thì nhà thầu xuất hóa đơn theo mức thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn, giá trị hợp đồng trước thuế không thay đổi.

8.2. Loại hợp đồng: Trọn gói

Nội dung của giá Hợp đồng

- Giá trị Hợp đồng đã bao gồm:

+ Chi phí cho chuyên gia, nhân sự, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

+ Chi phí cần thiết cho việc sửa chữa, hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định (nếu có), phê duyệt.

+ Chi phí đi thực địa.

+ Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư.

+ Chi phí cho các yếu tố rủi ro, chi phí trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Chi phí khác có liên quan để hoàn thiện sản phẩm tư vấn bàn giao cho Bên A theo quy định của Hợp đồng.

- Giá trị hợp đồng không bao gồm:

+ Chi phí cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét đề nghị của Nhà thầu.

+ Chi phí thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật (nếu có).

8.3. Tiến độ tạm ứng, thanh toán

- Tạm ứng: Ngay sau khi bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B và Bên A nhận được Giấy đề nghị tạm ứng của Bên

B, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng đã ký phần thẩm tra thiết kế BVTC chưa bao gồm thuế VAT.

- Thanh toán: 03 (ba) lần

+ Thanh toán lần 1: Sau khi Bên A nhận được báo cáo thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoàn chỉnh đã được Sở Xây dựng chấp thuận, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, Bên A thanh toán cho Bên B 90% giá trị hợp đồng của phần thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công đã bao gồm cả phần tạm ứng trước đó.

+ Thanh toán lần 2: Sau khi Bên A nhận được báo cáo thẩm tra hồ sơ dự toán công trình hoàn chỉnh được Bên A nghiệm thu, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị hợp đồng của phần thẩm tra dự toán công trình.

+ Số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, có biên bản nghiệm thu hợp lệ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có).

8.4. Hồ sơ thanh, quyết toán: 04 bộ

- Công văn đề nghị thanh, quyết toán Hợp đồng của Bên B;

- Toàn bộ các biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng và công việc phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng (nếu có);

- Bảng tính giá trị thanh, quyết toán hợp đồng tư vấn theo mẫu bên A cấp sau khi khấu trừ các khoản tạm ứng, phạt (Nếu có);

- Biên bản thanh lý hợp đồng;

- Các tài liệu khác có liên quan.

- Hóa đơn GTGT của giá trị thanh, quyết toán (chỉ phát hành chính thức sau khi Bên A đã kiểm tra Hồ sơ thanh toán và yêu cầu xuất hóa đơn).

- Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ đề nghị quyết toán của Bên B, Bên A kiểm tra hồ sơ. Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và cung cấp cho Bên A tài liệu quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất. Bên B sẽ xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo giá trị hai bên thống nhất.

- Trong vòng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hóa đơn hợp lệ của Bên B, Bên A sẽ chuyển tiền thanh toán cho Bên B.

8.5. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

8.6. Đồng tiền thanh toán: đồng tiền Việt Nam.

ĐIỀU 9. ĐIỀU CHỈNH GIÁ HỢP ĐỒNG

9.1. Điều chỉnh phạm vi công việc của Hợp đồng

Trường hợp Bên A có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì các Bên sẽ thỏa thuận điều chỉnh tương ứng đối với khối lượng công việc này. Phạm vi công việc được xem xét điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Thay đổi vị trí của dự án;
- Thay đổi công năng sử dụng công trình hoặc hạng mục công trình chính;
- Thay đổi tăng/giảm tổng diện tích sàn xây dựng (toàn dự án, hoặc hạng mục công trình chính) lớn hơn 20%;

Các hạng mục công việc điều chỉnh không thuộc các trường hợp nêu trên, Bên B phải thực hiện theo yêu cầu của Bên A đảm bảo tiến độ quy định trong Hợp đồng, đã bao gồm trong giá trị hợp đồng, không phát sinh chi phí.

9.2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

Trường hợp tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký do lỗi của Bên B thì Bên B phải chịu phạt theo quy định tại Điều 18 Hợp đồng này.

Trường hợp tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký do lỗi của Bên A thì Bên A phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng cho Bên B.

Tiến độ thực hiện Hợp đồng điều chỉnh sẽ được lập thành Phụ lục hợp đồng làm căn cứ thực hiện.

9.3. Điều chỉnh nội dung khác hợp đồng

Trường hợp điều chỉnh phạm vi công việc nêu tại Khoản 9.1 Điều này dẫn đến việc phải điều chỉnh giá trị Hợp đồng thì Bên A sẽ có yêu cầu bằng văn bản gửi cho Bên B về việc thay đổi phạm vi công việc này. Giá trị Hợp đồng điều chỉnh sẽ được lập thành Phụ lục hợp đồng.

Trường hợp điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng thì các bên phải thống nhất điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

10.1 Quyền của Bên B

a) Nhận các thông tin, tài liệu liên quan đến công việc theo quy định của Hợp đồng.

b) Đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

f) Quyền khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

10.2 Nghĩa vụ của Bên B

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp (nếu có) sau khi hoàn thành công việc.

c) Phối hợp, cập nhật thông tin cho chủ đầu tư về tiến độ công việc. Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu cần thiết để hoàn thành công việc.

d) Trong quá trình thực hiện công việc, trường hợp Nhà thầu phát hiện các sai sót trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán, Nhà thầu phải ngay lập tức báo cáo sai sót và phương án khắc phục cho Chủ đầu tư.

e) Giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp đồng này theo quy định của pháp luật liên quan đến bảo mật thông tin. Mọi trường hợp Nhà Thầu công bố thông tin về việc hợp tác với Chủ Đầu Tư theo Hợp Đồng này và/hoặc các thỏa thuận khác giữa Hai Bên trên các tài liệu, website của Nhà Thầu hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác đều phải được sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ Đầu Tư.

f) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn liên quan đến công việc theo quy định của hợp đồng, thì bên nhận thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng, đồng thời đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có) phải tuân thủ pháp luật và các nghĩa vụ của nhà thầu theo quy định của Hợp đồng này.

h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo, tài liệu, sản phẩm tư vấn với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ, kịp

thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Tất cả Sản Phẩm Tư vấn cuối cùng khi bàn giao cho Chủ Đầu Tư phải phù hợp với Hợp Đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Chủ Đầu Tư nghiệm thu. Sản Phẩm Tư Vấn giao nộp cuối cùng theo Hợp Đồng sẽ là tài sản của Chủ Đầu Tư.

j) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Bàn giao cho Bên A và chịu trách nhiệm đối với sản phẩm tư vấn theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng.

l) Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực có đủ điều kiện năng lực, chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật và yêu cầu của dự án. Nhà thầu phải cung cấp cho chủ đầu tư danh sách nhân sự thực hiện hợp đồng. Trường hợp chủ đầu tư nhận thấy có bất cứ nhân sự nào của nhà thầu hoặc/và nhà thầu phụ (nếu có) không đảm bảo điều kiện thực hiện hợp đồng thì phải thay thế nhân sự đó. Trường hợp, Nhà thầu tư vấn hoặc nhân viên của Nhà thầu không đảm bảo đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định pháp luật, Nhà thầu bị coi là vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và thu hồi toàn bộ các khoản tạm ứng, thanh toán trước đó.

m) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

n) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các buổi làm việc, cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... theo yêu cầu của chủ đầu tư và cơ quan có thẩm quyền.

o) Bằng chi phí của mình phải chi trả các chi phí lập, sửa đổi, bổ sung hồ sơ và các công việc để có được sản phẩm tư vấn theo yêu cầu của Bên A hoặc/và của cơ quan có thẩm quyền.

p) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn, yêu cầu trái luật pháp hoặc trái thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng này.

q) Chịu hoàn toàn trách nhiệm về quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài liệu, hồ sơ do Bên B lập và các tài liệu, hồ sơ cung cấp cho Bên A.

r) Đảm bảo an toàn và phải chịu trách nhiệm, bồi thường toàn bộ nếu để xảy ra tai nạn, thiệt hại trong quá trình Bên B hoặc/và nhà thầu phụ của Bên B thực hiện hợp đồng.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp Đồng.

t) Phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

u) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ Đầu Tư trong khoảng thời gian 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị của Chủ Đầu Tư. Nếu trong khoảng thời gian này Nhà Thầu không có ý kiến thì coi như Nhà Thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ Đầu Tư.

v) Không được phép chuyển nhượng, chuyển giao, giao thầu lại một phần hoặc toàn bộ Công Việc trong Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản và được ký bởi người có thẩm quyền của Chủ Đầu Tư.

w) Nhà thầu tư vấn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ đầu tư về kết quả thẩm tra của mình. Trường hợp sản phẩm tư vấn thẩm tra của Nhà thầu bị sai sót dẫn đến Chủ đầu tư bị phạt vi phạm, thì Chủ đầu tư có quyền phạt vi phạm Nhà thầu với mức phạt tương ứng.

x) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

11.1 Quyền của Bên A

a. Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn mà không cần thông qua ý kiến của Bên B.

b. Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c. Đơn đốc, kiểm tra và yêu cầu nhà thầu giải trình, báo cáo tiến độ công việc, yêu cầu nhà thầu sửa chữa, bổ sung hồ sơ, công việc để có được sản phẩm tư vấn chất lượng.

d. Yêu cầu Bên B sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện sản phẩm tư vấn theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật có liên quan.

e. Yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

f. Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

g. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

11.2 Nghĩa vụ của Bên A

a) Trong khả năng của mình cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết để nhà thầu thực hiện công việc.

b) Thanh toán cho nhà thầu theo quy định của Hợp đồng.

c) Tạo điều kiện (trong khả năng có thể) để Nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa phục vụ cho công việc nêu tại Hợp đồng này.

d) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của hợp đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 12. NHÀ THẦU PHỤ

12.1. Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau

a) Đối với các nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo Hợp đồng thì Nhà thầu phải tiến hành lựa chọn thầu phụ theo đúng các quy định hiện hành. Kết quả lựa chọn thầu phụ phải được Chủ đầu tư phê duyệt bằng văn bản trước khi Nhà thầu ký hợp đồng với các Nhà thầu phụ;

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và các công việc khác do Nhà thầu phụ thực hiện.

12.2. Nhà thầu phụ chỉ định

a) Nhà thầu phụ chỉ định là một nhà thầu được Chủ đầu tư ký hợp đồng trực tiếp và giao cho Nhà thầu quản lý.

b) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

12.3. Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu, số tiền thanh toán cho Nhà thầu phụ được khấu trừ vào tiền thanh toán cho Nhà thầu.

12.4. Quản lý hợp đồng thầu phụ: Nhà thầu có trách nhiệm nộp hồ sơ thầu phụ (bao gồm: hợp đồng thầu phụ và các tài liệu có liên quan) cho Chủ đầu tư quản lý theo dõi. Thường xuyên cập nhật bổ sung các thay đổi và các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng thầu phụ.

ĐIỀU 13. NHÂN LỰC CỦA BÊN B

13.1 Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật và yêu cầu của công việc.

13.2 Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế.

13.3 Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự. Trong trường hợp này, nhà thầu phải thay đổi nhân sự để đảm bảo tiến độ và

chất lượng sản phẩm tư vấn. Việc thay đổi nhân sự không làm vượt quá thời gian thực hiện công việc quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

13.4 Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá trị hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

13.5 Trong mọi trường hợp, các chi phí liên quan đến nhân sự của nhà thầu không làm tăng giá trị Hợp đồng.

ĐIỀU 14. BẢN QUYỀN VÀ QUYỀN SỬ DỤNG TÀI LIỆU

14.1 Chủ đầu tư được toàn quyền sở hữu tài liệu, sản phẩm tư vấn mà không cần phải xin phép nhà thầu.

14.2 Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

14.3 Chủ đầu tư không chịu bất cứ trách nhiệm, hậu quả nào từ việc tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này liên quan đến bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

14.4 Nhà Thầu cam kết thực hiện bảo mật thông tin Sản Phẩm Tư Vấn qua việc:

a) Không công bố, cung cấp cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khác về Sản Phẩm Tư Vấn và các thông tin về Sản Phẩm Tư Vấn trong toàn bộ khoảng thời gian trước và sau khi bàn giao Sản Phẩm Tư Vấn cho Chủ Đầu Tư.

b) Sau khi bàn giao Sản Phẩm Tư Vấn cho Chủ Đầu Tư, Nhà Thầu không được phép sao chép, sử dụng Sản Phẩm Tư Vấn cho mục đích khác hoặc công trình kiến trúc khác hoặc chủ đầu tư khác.

ĐIỀU 15. BẢO HIỂM

Nhà thầu thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và bảo hiểm khác theo đúng các quy định hiện hành.

ĐIỀU 16. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

16.1 Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp Đồng. Các Bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

16.2 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp trong khả năng cho phép và không phải là kết quả của hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng của một Bên như: thiên tai, chiến tranh, cấm vận,

dịch bệnh, thay đổi trong chính sách của Nhà nước, quy định của pháp luật... làm gián đoạn, gây trở ngại hoặc ngăn cản việc thực hiện nghĩa vụ của một Bên và/hoặc hai Bên thực hiện Hợp đồng.

Trường hợp Bên bị ảnh hưởng bởi cách ly, phong tỏa, giãn cách xã hội hoặc sự kiện khác tương tự nhưng vẫn có thể làm việc với điều kiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì không được coi là sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng phải đáp ứng các điều kiện đó bao gồm cả việc thay thế nhân sự, máy móc, thiết bị, vật chất khác để thực hiện Hợp đồng, nếu không sẽ bị xác định là vi phạm Hợp đồng và bị chịu phạt theo quy định tại Điều 18 của Hợp đồng.

Bất Khả Kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một Bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một Bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp Đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.

Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện Bất Khả Kháng với điều kiện Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp Đồng này.

16.3 Thông báo về bất khả kháng

Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác, không Bên nào bị coi là vi phạm Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra với các điều kiện là:

a) Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp và gần nhất làm cho Bên đó bị cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng;

b) Bên bị ảnh hưởng thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về việc xảy ra sự kiện bất khả kháng đó trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, trong đó trình bày rõ các chi tiết của sự kiện bất khả kháng đã ngăn cản Bên đó thực hiện Hợp đồng và nêu các biện pháp khắc phục được Bên đó đã, đang, sẽ thực hiện, dự kiến thời gian sự kiện bất khả kháng được khắc phục;

c) Nghĩa vụ của Hai Bên theo Hợp đồng này chỉ được giải phóng trong khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng và trong chừng mực sự kiện bất khả kháng ngăn cản việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên đó, với điều kiện là các biện pháp ngăn ngừa hợp lý đã được Bên đó thực hiện nhưng không đạt kết quả.

16.4 Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu Bên B bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Bên B có quyền đề nghị Bên A xem xét được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

b) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

16.5 Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng kéo dài quá 30 ngày, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ. Bên có thông báo sẽ gửi thông báo việc chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực trong vòng 07 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

c) Đối với trường hợp chấm dứt theo khoản 16.4 này, Bên B được thanh toán số tiền tương ứng với sản phẩm đã hoàn thành theo điều kiện hợp đồng và đã được Bên A nghiệm thu, số tiền đã nhận còn lại (nếu có) phải được Bên B chuyển trả Bên A.

ĐIỀU 17. TẠM NGỪNG HOẶC CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

17.1 Tạm ngừng công việc

a) Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, không đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện, sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại, chịu mọi chi phí phát sinh cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

b) Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu.

- Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc hoặc giảm tỷ lệ công việc.

- Ngay sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc theo Hợp đồng.

- Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

- Trong trường hợp Nhà Thầu đã áp dụng quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc của mình theo quy định nêu trên nhưng sau đó Chủ Đầu Tư thanh toán theo quy định trong Hợp Đồng thì Nhà Thầu phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng ngay ngày nhận được tiền thanh toán của Chủ Đầu Tư. Quá thời hạn nêu trên nếu Nhà Thầu không tiếp tục thực hiện Công Việc thì Nhà Thầu sẽ bị coi là vi phạm tiến độ thực hiện Hợp Đồng và sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp Đồng này.

c) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

17.2 Chấm dứt Hợp đồng

a) Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư (Bên A)

Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi văn bản chấm dứt Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Sau khi nhận được thông báo tạm dừng Công Việc từ Chủ Đầu Tư mà Nhà Thầu không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo của Chủ Đầu Tư hoặc trong thời hạn ghi trong thông báo tạm dừng của Chủ Đầu Tư.

- Nhà thầu không sửa chữa được sai sót theo yêu cầu của chủ đầu tư trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

- Nhà thầu vi phạm thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng, hoặc 10 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng hoặc giao cho nhà thầu phụ thực hiện một phần hoặc toàn bộ công việc mà không được sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư.

- Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

- Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định giải quyết tranh chấp có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của chủ đầu tư.

- Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

- Sản Phẩm Tư Vấn không đạt yêu cầu theo quy định của Hợp Đồng sau 02 (hai) lần chỉnh sửa.

- Nhà thầu không đảm bảo điều kiện năng lực hành nghề theo quy định.

- Khi Nhà Thầu vi phạm bất kì nghĩa vụ nào khác (ngoài các trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng của Chủ Đầu Tư nêu tại Hợp Đồng này), và Chủ Đầu Tư đã gửi thông báo nhắc nhở đến lần thứ hai mà Nhà Thầu không khắc phục đúng, đủ theo yêu cầu của Chủ Đầu Tư.

Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều này, Chủ đầu tư có quyền thu hồi toàn bộ các khoản tạm ứng, thanh toán trước đó và yêu cầu Nhà thầu bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế gây ra (nếu có) cho Chủ đầu tư do việc vi phạm Hợp Đồng của Nhà thầu.

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có quyền sử dụng bất cứ tài liệu, thông tin,...có được từ Bên B mà không cần thông qua ý kiến của Bên B.

b) Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu (Bên B):

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

- Chủ đầu tư không tuân theo quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Do sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 ngày mà không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

- Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

c) Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

d) Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện cho các công việc đã thực hiện và được Chủ đầu tư nghiệm thu trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Đối với khoản tiền phải thanh toán, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng chưa được Bên có nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán chưa đủ, thì Bên có nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện.

ĐIỀU 18. PHẠT VÀ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- **Chậm tiến độ:** Nếu nhà thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì phạt 1% giá trị hợp đồng cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm. Trường hợp Nhà thầu chậm tiến độ quá 12 ngày kể từ ngày đến hạn theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng mà Bên B không bàn giao Sản phẩm Tư vấn cho Bên A, thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng, yêu cầu Bên B chịu phạt chậm tiến độ và hoàn trả Bên A toàn bộ số tiền đã nhận.

- **Vi phạm chất lượng:** Bên B bàn giao sản phẩm cho Bên A không đúng chất lượng, tiêu chuẩn, quy định của pháp luật hoặc không đúng yêu cầu của Bên A theo quy định của Hợp đồng, thì Bên B phải chịu phạt 12% giá trị hợp đồng, đồng thời Bên B phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc phạt do thanh kiểm tra, khắc phục lại sản phẩm và bồi thường thiệt hại (nếu có).

ĐIỀU 19. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

19.1 Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo, yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

19.2 Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Hợp đồng bị vô hiệu,

chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều, Khoản về giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 20. THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Hợp đồng tự động được thanh lý trong trường hợp các bên đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình, hoặc các bên thỏa thuận thanh lý Hợp đồng, hoặc bị chấm dứt theo Điều 17 [Tạm ngừng hoặc chấm dứt Hợp đồng].

ĐIỀU 21. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng;

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 21 (hai một) điều được lập thành 06 (sáu) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 04 (bốn) bản, nhà thầu giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Lâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
THƯƠNG THẢO, HOÀN THIỆN HỢP ĐỒNG
Gói thầu Tư vấn thẩm tra TKBVTC - Dự toán
Công trình: Hạ tầng kỹ thuật
Dự án: Khu đô thị số mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 09/07/2022 và Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý hoạt động đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 13/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư Dự án Khu đô thị mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

Xét hồ sơ năng lực của Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang.

Hôm nay, ngày 10 tháng 4 năm 2025 tại Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp Vinaland, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. CÁC BÊN THAM GIA THƯƠNG THẢO



1. Đại diện bên giao thầu (gọi tắt là bên A) : Liên danh Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp Vinaland và Công ty cổ phần đầu tư Sun Grand.

Đại diện Liên danh: Công ty cổ phần Phát triển nhà đẹp Vinaland

- Đại diện là **Ông: Nguyễn Công Lâm** - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ: Số 52 đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Mã số thuế: 0104606980.
- Tài khoản: 0731 000 868 686, tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang
- Điện thoại: 0914689686

2. Đại diện bên nhận thầu (gọi tắt là bên B): Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh Bắc Giang

- Đại diện là: **Ông Đỗ Ngọc Thành** - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Liên cơ quan các đơn vị sự nghiệp, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Tài Khoản: 114.000.023.365, tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang.
- Mã số thuế: 2400.299.571
- Đăng ký doanh nghiệp (nếu có):
- Điện thoại: 0204.3554.708 - Fax: 0204.3554.716
- E-mail: ttkgbg@gmail.com

Sau khi đàm phán và thương thảo, hai bên cùng nhau thống nhất một số nội dung chủ yếu của gói thầu Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC-DT công trình: Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị số mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, như sau:

1. Nội dung công việc:

- Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - DT công trình: Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu đô thị số mới xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng theo đúng các quy trình, quy phạm về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Giá trị thương thảo hợp đồng:

2.1. Giá trị thương thảo: **605.536.000 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm linh năm triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng./.)

Trong đó:

- Phần giá trị thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công (phần hạ tầng kỹ thuật): 310.401.027 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười triệu, bốn trăm linh một nghìn, hai mươi bảy đồng).

- Phần giá trị thẩm tra dự toán xây dựng công trình (phần hạ tầng kỹ thuật): 295.135.403 đồng (Bằng chữ: Hai trăm chín mươi lăm triệu, một trăm ba mươi lăm nghìn, bốn trăm linh ba đồng).

Giá trị hợp đồng nêu trên chỉ là tạm tính, giá trị thanh, quyết toán của hợp đồng sẽ căn cứ vào Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền và các chính sách của Nhà nước tại thời điểm thanh lý hợp đồng.

Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), phí, lệ phí, chi phí liên quan của Bên B để Bên B hoàn thành các công việc quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

Trong trường hợp quy định pháp luật Việt Nam thay đổi về mức thuế giá trị gia tăng (VAT) thì nhà thầu xuất hóa đơn theo mức thuế giá trị gia tăng (VAT) theo quy định của pháp luật tại thời điểm xuất hóa đơn, giá trị hợp đồng trước thuế không thay đổi.

3. Hình thức Hợp đồng: Trọn gói

4. Tạm ứng và thanh toán

4.1. Tạm ứng: Ngay sau khi bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B và Bên A nhận được Giấy đề nghị tạm ứng của Bên B, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% giá trị hợp đồng đã ký phần thẩm tra thiết kế BVTC chưa bao gồm thuế VAT.

4.2. Thanh toán: 03 (ba) lần

+ Thanh toán lần 1: Sau khi Bên A nhận được báo cáo thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công hoàn chỉnh đã được Sở Xây dựng chấp thuận, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ, Bên A thanh toán cho Bên B 90% giá trị hợp đồng của phần thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công đã bao gồm cả phần tạm ứng trước đó.

+ Thanh toán lần 2: Sau khi Bên A nhận được báo cáo thẩm tra hồ sơ dự toán công trình hoàn chỉnh được Bên A nghiệm thu, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị hợp đồng của phần thẩm tra dự toán công trình.

+ Số tiền còn lại Bên A sẽ thanh toán cho Bên B sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, có biên bản nghiệm thu hợp lệ, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ quyết toán hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B số tiền còn lại sau khi trừ đi các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại (nếu có).

5. Thời gian thực hiện Hợp đồng:

7.1. Thời gian thực hiện công việc: Bên B phải bàn giao sản phẩm tư vấn cho Bên A trong vòng 40 (bốn mươi) ngày, thời gian cụ thể như sau:



- Thẩm tra Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công: **20** (hai mươi) ngày kể từ ngày bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B (thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết, ngày nghỉ và không bao gồm thời gian đơn vị tư vấn thiết kế chỉnh sửa hồ sơ, các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

- Thẩm tra Hồ sơ tổng dự toán thi công: **20** (hai mươi) ngày kể từ ngày bên A ký biên bản bàn giao đầy đủ hồ sơ phục vụ công tác thẩm tra cho Bên B (thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết, ngày nghỉ và không bao gồm thời gian đơn vị tư vấn thiết kế chỉnh sửa hồ sơ, các cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)

6. Kế hoạch thực hiện và bố trí nhân lực:

- Nhà thầu phải sử dụng chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với công việc thực hiện để giải quyết nhiệm vụ theo đề nghị của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu tư vấn cam kết thực hiện công việc theo đúng tiến độ.

- Biên bản đã được hai bên nhất trí thông qua và ký xác nhận, làm cơ sở để ký hợp đồng.

- Biên bản đã được thông qua, cùng ngày và được các bên thống nhất ký tên.

- Biên bản này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 04 bản, Nhà thầu tư vấn giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN
NHÀ THẦU TƯ VẤN**



**GIÁM ĐỐC
KTS. ĐỖ NGỌC THÀNH**

**ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Công Lâm**